TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ KINH MÔN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HS-ST
Ngày 23- 01-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Văn Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Quyết và bà Trần Thị Nhi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly – Thư ký viên Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Long - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 79/2024/TLST-HS ngày 31 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2024/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 12 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa ngày 10/01/2025 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử ngà 21/01/2025, đối với các bị cáo:

1. Bùi Văn H, sinh năm 1984, tại K, Hải Dương.

Nơi cư trú: KDC H, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Chỗ ở hiện nay: Xóm G, xã M, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch; Việt Nam; con ông Bùi Văn T và bà Phạm Thị C; gia đình bị cáo có 6 anh chị em, bị cáo là con thứ 5, có vợ là Nguyễn Thị H1 và có 4 con (02 con chung và 02 con riêng), con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 21/2021/HS-ST ngày 16/4/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn xử phạt Bùi Văn H 30 (*ba mươi*) tháng tù về tội "Hủy hoại tài sản". Ngày 19/01/2023, H chấp hành xong hình phạt tù; ngày 28/6/2021 chấp hành xong án phí hình sự.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/4/2024. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H. Bị cáo có mặt.

2. Trần Quốc T1, sinh năm 1975, tại K, Hải Dương

Nơi cư trú: KDC T, phường M, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch; Việt Nam; con công Trần Xuân B (Ông B được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất) và con bà Đào Thị Đ, có vợ là Đàm Thị Diệu L và 02 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2011. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

Bản án số 73/2019/HS-ST ngày 11/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn xử phạt Trần Quốc T1 24 tháng tù về tội Hủy hoại tài sản. Ngày 02/11/2020 T1 chấp hành xong hình phạt tù; ngày 04/5/2020 chấp hành xong án phí hình sự và án phí dân sự.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/4/2024. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H. Bị cáo có mặt.

3. Bùi Minh T2, sinh năm 1986, tại K, Hải Dương.

Nơi cư trú: Khu dân cư C, phường D, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch; Việt Nam. Con ông Bùi Minh T3 (ông Thuận Đ1 nhà nước tặng thưởng kỷ niệm chương Chiến sỹ Trường Sơn; 01 Kỷ niệm quân tình nguyện Việt Nam giúp Lào, 01 Kỷ niệm chương Đoàn 559, 01 Danh hiệu Chiến sỹ Trường Sơn, 01 Huy hiệu công binh) và bà Phạm Thị P; bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

Bản án số 73/2019/HS-ST ngày 11/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn xử phạt Bùi Minh T2 20 tháng tù về tội Hủy hoại tài sản. Ngày 21/9/2020 T2 chấp hành xong hình phạt tù; ngày 01/6/2022 chấp hành xong án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án số 103/2021/HS-ST ngày 01/12/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn xử phạt Bùi Minh T2 15 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Ngày 18/12/2022, T2 chấp hành xong hình phạt tù; ngày 11/3/2022 chấp hành xong án phí hình sự.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/4/2024. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H. Bị cáo có mặt.

4. Phùng Văn C1, sinh năm 1958, tại K, Hải Dương.

Nơi cư trú: KDC H, phường M, thị xã K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Ngọc T4 và bà Ngô Thị T5; có vợ là Trần Thị B1 (đã ly hôn) và Trần Thị Thu H2 và 03 con, con lớn nhất sinh năm 1982, con nhỏ nhất sinh năm 1992.

Tiền án:

Bản án số 1667 ngày 26/8/1999 của Tòa án nhân dân Tối cao xử phạt Phùng Văn C1 17 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy quy định tại điểm c khoản 3 Điều 185 đ Bộ luật Hình sự năm 1985. Ngày 06/9/2010 C1 chấp hành xong hình phạt tù. Ngày 11/10/1999 chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm và phúc thẩm, chưa chấp hành xong tiền phạt 20.000.000 đồng của bản án.

Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2013/ HSST ngày 27/6/2013 của Tòa án nhân dân huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh xử phạt Phùng Văn C1 03 năm 06 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Ngày 07/7/2016, C1 chấp hành xong hình phạt tù. Ngày 10/12/2014 chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm.

Tiền sự: Không

Nhân thân:

Bản án hình sự sơ thẩm số 09/1994/HSST ngày 02/02/1994 của Tòa án nhân dân huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh xử phạt Phùng Văn C1 09 tháng tù về tội

Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng. Ngày 22/8/1994 C1 chấp hành xong hình phạt tù. Ngày 28/5/1994 chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm.

Bản án hình sự sơ thẩm số 68/2020/HSST ngày 09/12/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn xử phạt Phùng Văn C1 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 23/4/2021 C1 chấp hành xong hình phạt tù. Cẩm được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Ngày 29/02/2020, Công an thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Phùng Văn C1 về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy (phạt tiền 750.000 đồng). Cẩm đã nộp phạt ngày 10/4/2020.

Ngày 04/10/2024, Phùng Văn C1 phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy xảy ra tại khu T, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Q theo Quyết định tạm giam của Tòa án nhân dân thành phố Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Bị cáo có mặt.

5. Nguyễn Duy C2, sinh năm 1979, tại K, Hải Dương.

Nơi cư trú: thôn T, xã B, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch; Việt Nam. Con ông Nguyễn Duy L1 (ông được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến, Huân chương chiến sỹ giải phóng) và bà Đỗ Thị T6 (bà T6 được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì, Huy chương chiến sỹ vẻ vang), có vợ là Hoàng Thị P1, sinh năm 1974 và có một con sinh năm 2002. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Bản án số 73/2019/HS-ST ngày 11/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn xử phạt Nguyễn Duy C2 20 tháng tù về tội Hủy hoại tài sản. Ngày 08/9/2020 chấp hành xong hình phạt tù; C2 được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/4/2024. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H. Bị cáo có mặt.

- Người bị hại:

1. Chị Nguyễn Thị H3, sinh năm 1980, địa chỉ: Số I, T, phường H, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Văn H4, sinh năm 1980, địa chỉ: Thôn A, xã H, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

- Người làm chứng:

+ Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1952. Vắng mặt.
+ Ông Lương Văn H5, sinh năm 1967. Vắng mặt.
+ Ông Ngô Văn H6, sinh năm 1971. Vắng mặt.
+ Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1993. Có mặt.
+ Ông Chu Văn C3, sinh năm 1982. Vắng mặt.
+ Ông Trần Văn N1, sinh năm 1972. Vắng mặt.
+ Bà Nguyễn Thị N2, sinh năm 1968. Vắng mặt.
+ Anh Vương Ngọc A, sinh năm 1974. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 15/10/2011, vợ chồng chị Nguyễn Thị H3, sinh năm 1980 và anh Nguyễn Văn H4, sinh năm 1980, trú tại: Xã H, thị xã K, tỉnh Hải Dương đã mua của vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ2 và bà Nguyễn Thị N2, trú tại: Xã Q, thị xã K, tỉnh Hải Dương 01 thửa đất ở Thôn M, xã Q, thị xã K có diện tích 980m2, thuộc tờ bản đồ số 8, thửa 40, trên đất có 04 gian nhà cấp 4 với giá 600.000.000 đồng. Vợ chồng chị H3 sinh sống trên thửa đất trên và nộp thuế sử dụng đất đầy đủ.

Ngày 10/7/2016, anh H4 có vay của Bùi Văn H số tiền là 250.000.000 đồng để kinh doanh; đến tháng 3/2017, vợ chồng anh H4, chị H3 đã trả cho H số tiền 75.000.000 đồng (bao gồm 30.000.000 đồng tiền gốc và 45.000.000 đồng tiền lãi). Ngày 13/01/2017, H và anh Hà L2 hợp đồng chuyển nhượng thửa đất trên (hợp đồng có H và vợ anh H là chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1993, anh H4, chị H3 ký), sau đó anh H4 đem hợp đồng trên đến Ủy ban nhân dân xã P (nay là xã Q) xin chữ ký của ông Lương Văn H5 là Chủ tịch UBND xã P (*Nội dung hợp đồng không nêu giá chuyển nhượng và quy định tại Điều 9 phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng, nếu phát sinh tranh chấp... trong trường hợp không tự giải quyết được thì một trong hai bên có quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật*). Sau khi có hợp đồng, H đã in thêm một số nội dung vào bản hợp đồng chuyển nhượng đất, cụ thể: Tại Điều 2: thêm "*Và có quyền tháo dỡ mà không cần sự đồng ý của bên A*" và " *Là trừ số tiền bên A đã nợ*"; tại Điều 5 thêm "*Và chuyển nhượng cho bên B đối trừ sang nợ*" và " *Hợp đồng này thay biên bản bàn giao đất cùng tài sản gắn liền gồm 3 nhà cấp 4. Bên A ở nhờ đến 13/6/2017 mà chưa dọn đi bên B tự tháo dỡ không cần sự đồng ý bên A*", "*hai bên đồng ý chuyển nhượng đối trừ sang khoản nợ ngày 10/7/2016*". Đến tháng 2/2018, vợ chồng H bán lại thửa đất trên cho Trần Quốc T1 với giá 260.000.000 đồng (*việc mua bán có lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có các bên ký nhận, hợp đồng không ghi ngày tháng, không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền*).

Khoảng 10 giờ ngày 19/5/2018, H cùng T1, T2, Nguyễn Duy C2, Vương Ngọc A, Phùng Văn C1 đến nhà chị H3, anh H4 ở thôn M, xã Q gặp chị H3 ở nhà. H và T1 yêu cầu chị H3 dọn tài sản trong quán Internet đi để trả nhà, đất cho H và T1 nhưng chị H3 không đồng ý và có lời nói ngăn cản không cho khiêng tài sản trong quán Internet của nhà chị H3 ra ngoài. H đã chỉ đạo T1, T2, C2 khiêng hết máy tính, giường, bàn ghế, đồ dùng sinh hoạt trong quán Internet nhà chị H3 để ra ngoài cửa. Sau đó H bảo Toàn, T2, C2, Cẩm ăn, ở sinh hoạt tại quán Internet của nhà chị H3 để trông coi nhà đất, gia đình chị H3 phải dọn xuống gian nhà cấp 4 phía dưới để ở. Tối ngày 19/5/2018, T1, T2, Cẩm ăn thịt chó tại quán Internet của nhà chị H3, sau khi ăn xong T1 bảo C1 ở lại để trông nhà đất cho T1 nhưng do C1 không mang quần áo nên C1 đi về. Đến sáng ngày 20/5/2018, C1 mang quần áo đến ăn, ở sinh hoạt cùng T1, T2 tại quán Internet của nhà chị H3. Khoảng 11 giờ ngày 31/5/2018, H, T1, T2, C2 tiếp tục đến gian nhà cấp 4 của nhà chị H3 gọi cửa yêu cầu chị H3 mở cửa dọn đồ ra ngoài trả nhà, đất cho H và T1. Lúc này chị H3 đang ở trong nhà thấy vậy nên gọi điện báo anh Chu Văn C3 - Trưởng Công an xã Q. Khi anh C3 đến, chị H3 mở cửa lách phía sau ra thì T1 định đi vào trong nhà, chị H3 không cho vào và dùng tay đẩy T1 ra rồi đóng cửa lại, do bị đẩy lên T1 bị ngã. Lúc này anh C3 đi đến ngăn cản không cho H phá cửa, nhưng H nói là H phá nhà của

mình. H lấy con dao dựa ở gần cửa lách nhà chị H3 chặt cửa phía sau làm thủng một lỗ rồi thò tay vào trong mở chốt cửa rồi cùng T1, C2, T2 đi vào trong yêu cầu chị H3 đưa chìa khóa cửa nhưng chị H3 không đưa. H đi ra tháo cửa lách phía sau mà H vừa chặt vất ra vườn. Hoan bảo Toàn và C2 mở cửa xếp bằng sắt phía trước ra, T1 dùng tuýp sắt và dao cùng C2 bậy bật khuy cửa ra rồi T1, C2, Thái khiêng, bê bàn ghế, màn hình ti vi, 13 bộ máy tính, cây máy tính, máy in canon và một số vật dụng khác ra ngoài cửa để. Sau đó H và T1 bảo T2, C2 cầm búa tạ (loại búa 03kg) của T1 mang theo từ trước trèo lên mái nhà dỡ một dẫy ngói P2 và dùng búa tạ đập mấy viên gạch ba banh giáp quán cắt tóc. Lúc này do trời mưa và lực lượng Công an đến nên H, T1, C2, T2 dừng lại không đập phá nữa.

Tiếp đến khoảng 13 giờ 30 phút ngày 01/6/2018, T1 thuê máy xúc của anh Ngô Văn H6, sinh năm 1971, ở thôn T, xã B, thị xã K lái đến nhà chị H3 để phá dỡ gian nhà cấp 4 phía dưới, chị H3 đã trình báo Công an xã Q đến ngăn cản, lập biên bản vụ việc và thông báo cho anh H6 biết mảnh đất trên đang có tranh chấp nên anh H6 không đồng ý làm, để máy xúc lại rồi đi về.

Khoảng 13 giờ ngày 02/6/2018, H và T1 bảo Vương Ngọc A lái máy xúc phá nhà chị H3, Ngọc A đồng ý điều khiển chiếc máy xúc của anh H6 ra phía sau gian nhà cấp 4 phía dưới của vợ chồng chị H3, dùng gầu máy xúc cào tường gạch ba banh trên mái nhà và dùng gầu làm xập hoàn toàn mái tôn phía sau nhà. Lúc này, anh H6 đến thấy vậy không cho Ngọc A làm nữa và lái máy xúc về. H và T1 tiếp tục bảo C2 và T2 trèo lên mái nhà dỡ ngói và gạch ba banh ném xuống làm xập toàn bộ mái ngói P3, trần tôn, trần nhựa, tường nhà rơi xuống làm hư hỏng một số tài sản gồm: điều hòa, bàn thờ gỗ, gương soi khung nhôm, cửa nhôm, khung màn nhôm, hệ thống đường điện, ô cửa kính, điện thoại Iphone 4 màu trắng, đồng hồ đeo tay; 02 bóng điện Rạng Đông, sau đó Công an đến ngăn cản thì các bị cáo dừng lại.

Đến khoảng 09 giờ 30 phút ngày 03/6/2018, H và T1 bảo C2, T2 trèo lên mái nhà dùng búa tạ tiếp tục đập phá bờ tường nhà vợ chồng chị H3. Chị H3 đã gọi điện báo Công an xã Q. Anh C3 - Trưởng Công an xã Q đến yêu cầu H, T1, C2, T2 dừng lại nhưng T1 vẫn bảo C2 đập phá tường nhà chị H3. Đến chiều cùng ngày T1, C2, T2 dùng gạch xây chặn cửa chính ra vào và hàn cửa lại không gia đình chị H3 vào nhà. Gia đình chị H3 không có chỗ ở phải chuyển đến nơi ở khác. T1, T2, C1 ở quán Internet của nhà chị H3 đến ngày 06/6/2018 lực lượng Công an xã đến giải thích thì T1, T2, C1 không ở lại nữa. Hành vi của các bị cáo khiêng đồ đạc, tài sản của nhà chị H3 ra khỏi nhà, sau đó ăn ở, sinh hoạt tại nhà chị Hiền từ ngày 19/5/2018 đến ngày 06/6/2018, trong thời gian ở nhà chị H3 đã đập phá tài sản nhà chị H3, vụ việc xảy ra giáp đường tỉnh lộ 389a, đông người qua lại, Công an đã ngăn cản nhiều lần nhưng các bị cáo không chấp hành, gây mất an ninh, trật tự tại khu dân cư, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân.

Ngày 03/7/2019 chị H3 làm đơn đề nghị Cơ quan Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã K giải quyết.

Trong quá trình điều tra chị H3 và anh C3 đã cung cấp cho Cơ quan điều tra 02 USB bên trong có chứa các giữ liệu hình ảnh, vi deo liên quan đến các đối tượng đập phá tài sản nhà chị H3.

Tại các bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng thị xã K số 39 ngày 22/6/2018 và số 56 ngày 01/4/2019 kết luận: Tổng tài sản của gia đình chị H3 bị thiệt hại là 26.140.364 đồng.

Tại bản Kết luận giám định số: 4096/C09 – P5 ngày 31/8/2018 của V kết luận: *Các chữ ký trong hợp đồng ngày 13/1/2017 được giám định là chữ ký của của* Bùi Văn H, Nguyễn Thị H1, Lương Văn H5, Nguyễn Thị H3, Nguyễn Văn H4.

Riêng các chữ in trong hợp đồng ngày 13/1/2017 yêu cầu giám định gồm;

+ Tại Điều 2: "*Và có quyền tháo dỡ mà không cần sự đồng ý của bên A*," và " *Là trừ số tiền bên A đã nợ*". Là các chữ in thêm.

+ Tại Điều 5: "*Và chuyển nhượng cho bên B đối trừ sang nợ*." và " *Hợp đồng này thay biên bản bàn giao đất cùng tài sản gắn liền gồm 3 nhà cấp 4. Bên A ở nhờ đến 13/6/2017 mà chưa dọn đi bên B tự tháo dỡ không cần sự đồng ý bên A*.". Là các chữ in thêm.

+ Tại Điều 6: "*Hai bên đồng ý đối trừ sang khoản nợ ngày 10/7/2016*". Là các chữ in thêm.

Tại công văn số 585/C09 - P5 ngày 08/4/2019 của V - Bộ C4 giải thích một số nội dung trong Kết luận giám định số: 4096/C09 – P5 ngày 31/8/2018: Tại kết luận "5.6.", V có kết luận một số nội dung được in thêm tức là các nội dung đó được in thêm vào sau khi đã có các nội dung chữ in còn lại của tài liệu; các chữ đã kết luận in thêm có đường chân chữ không thẳng so với các chữ in cùng dòng; đặc điểm về máy in không cùng với đặc điểm máy in của các chữ còn lại; không đủ cơ sở kết luận thời điểm in thêm.

Tại bản kết luận số 4081/C9- P6 ngày 08/8/2018 của V kết luận: Không phát hiện cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong các tập tin video gửi giám định.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra chị Nguyễn Thị H3, anh Nguyễn Văn H4 không yêu cầu các bị can phải bồi thường trách nhiệm dân sự.

Tại bản Cáo trạng số 74/CT-VKS ngày 30/10/2024, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương truy tố Bùi Văn H, Trần Quốc T1, Bùi Minh T2, Nguyễn Duy C2, Phùng Văn C1 về tội *Xâm phạm chỗ ở của người khác* theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 158 của Bộ luật hình sự (sau đây gọi tắt là: BLHS).

Tại phiên toà:

* Kiểm sát viên thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa trình bày quan điểm giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố. Trên cơ sở phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả, điều kiện, nguyên nhân phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây gọi tắt là: HĐXX) xử:

- Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Bùi Văn H, Trần Quốc T1, Bùi Minh T2, Nguyễn Duy C2, Phùng Văn C1 phạm tội *Xâm phạm chỗ ở của người khác*.

Về hình phạt: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 158; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

Áp dụng thêm điểm h "Tái phạm nguy hiểm" khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo C1.

+ *Xử phạt:*

Bị cáo Bùi Văn H từ 18 đến 21 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/4/2024.

Các bị cáo Trần Quốc T1, Bùi Minh T2 mỗi bị cáo từ 17 đến 20 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/4/2024.

Bị cáo Nguyễn Duy C2 từ 15 đến 18 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/4/2024

Bị cáo Phùng Văn C1 từ 15 đến 18 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

- Về án phí: Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326 về án phí, lệ phí Tòa án. Miễn án phí cho bị cáo C1.

* Các bị cáo thành khẩn khai báo, xin lỗi gia đình bị hại, công nhận Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn truy tố về tội *Xâm phạm chỗ ở của người khác* là đúng và đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng:* Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS.

[2] *Về chứng cứ xác định bị cáo có tội và áp dụng pháp luật:* Lời khai tại phiên toà của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của chính bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX có đủ cơ sở kết luận:

[2.1]. Ngày 15/10/2011, vợ chồng chị H3 và anh H4 đã nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ2 và bà Nguyễn Thị N2 01 thửa đất ở Thôn M, xã Q, thị xã K có diện tích 980m2, thuộc tờ bản đồ số 8, thửa 40, trên đất có 04 gian nhà cấp 4 với giá 600.000.000 đồng, là tài sản thuộc quyền sử dụng, sở hữu, là chỗ ở hợp pháp của vợ chồng chị H3, anh H4.

[2.2]. Từ ngày 19/5/2018 đến ngày 06/6/2018, tại chỗ ở hợp pháp nêu trên của vợ chồng chị H3, anh H4, Bùi Văn H có hành vi và chỉ đạo Trần Quốc T1, Bùi Minh T2, Nguyễn Duy C2 chuyển toàn bộ tài sản, đồ đạc sinh hoạt của vợ chồng chị H3, anh H4 ra khỏi nơi chị H3, anh H4 đang sinh sống và đập phá nhà làm hư hỏng một số tài sản, xây tường gạch xi măng chặn cửa chính không cho vợ chồng chị H3, anh H4 vào nhà mình. H còn chỉ đạo T2 và T1; T1 chỉ đạo Cẩm ăn ở, sinh hoạt tại nhà của vợ chồng chị H3, anh H4 làm chị H3, anh H4 không có chỗ ở phải chuyển đến nơi ở khác làm ảnh hưởng đến cuộc sống sinh hoạt của gia đình chị H3, anh H4. Hành vi của các bị cáo đã gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương.

[3] Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi ăn ở, sinh hoạt tại nhà chị H3, anh H4; xây tường gạch xi măng chắn cửa ra vào nhà chị H3, anh H4... buộc gia đình chị H3, anh H4 phải chuyển đi chỗ khác ở là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, đã xâm phạm quyền tự do, dân chủ của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thị xã

Kinh Môn truy tố để toà án xét xử các bị cáo về tội Xâm phạm chỗ ở của người khác theo điểm đ khoản 2 Điều 158 của BLHS là có căn cứ pháp luật.

[4] Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Bị cáo H đã dự mưu, thực hiện các hành vi, thủ đoạn nhằm chiếm giữ chỗ ở của chị H3, anh H4 như: in thêm một số nội dung vào Hợp đồng mua bán "Tại Điều 2 bị cáo in thêm:....*có quyền tháo dỡ mà không cần sự đồng ý của bên A*," và " *Là trừ số tiền bên A đã nợ*"; tại Điều 5 bị cáo in thêm: "*Và chuyển nhượng cho bên B đối trừ sang nợ*." và " *Hợp đồng này thay biên bản bàn giao đất cùng tài sản gắn liền gồm 3 nhà cấp 4. Bên A ở nhờ đến 13/6/2017 mà chưa dọn đi bên B tự tháo dỡ không cần sự đồng ý bên A*.". Sau khi in thêm các nội dung vào Hợp đồng mua bán bị cáo H có hành vi chỉ đạo Bùi Minh T2, Trần Quốc T1, Nguyễn Duy C2 chuyển các tài sản, đồ đạc sinh hoạt của vợ chồng chị H3, anh H4 từ trong nhà ra ngoài; chỉ đạo các bị cáo khác ăn ở, sinh hoạt tại gia đình chị H3, anh H4 từ ngày 19/5/2018 đến ngày 06/06/2018; Chỉ đạo các đối tượng T1, C2 xây tường gạch chặn cửa chính ra vào nhà chị H3, anh H4...nhằm mục đích buộc chị H3, anh H4 phải rời khỏi chỗ ở đi nơi khác, nên H giữ vai trò cao nhất. Bị cáo Trần Quốc T1, Bùi Minh T2, Nguyễn Duy C2, Phùng Văn C1 đều là người thực hành giúp sức một cách tích cực. Bị cáo T1 bảo C1 đến ăn ở tại nhà chị H3, anh H4, và trực tiếp cùng với bị cáo T2, bị cáo C2 chuyển dịch trái phép các tài sản của vợ chồng anh H4, chị Hiền T7 trong nhà ra bên ngoài. Bị cáo T1, bị cáo T2 cũng là người trực tiếp mua gạch, xi măng, cùng C2 xây chặn cửa chính của gia đình chị H3, anh H4 nên bị cáo T1, bị cáo T2 có vai trò cao hơn bị cáo C1, bị cáo C2.

[5] *Về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, HĐXX xác định là tội phạm nghiêm trọng: Hành vi phạm tội của các bị cáo, thực hiện một cách liên tiếp trong nhiều ngày, chị H3 đã ngăn cản và chính quyền địa phương giải thích, ngăn chặn, xong các bị cáo không dừng lại mà vẫn cố ý thực hiện. Hành vi ăn ở nhiều ngày tại nhà chị H3, anh H4, trực tiếp đập phá, dùng máy xúc phá nhà của gia đình chị H3, thể hiện sự coi thường pháp luật, làm ảnh hưởng xấu đến tình an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân.

[5.1] Đối với bị cáo T2 chưa có tiền án, tiền sự. Nhưng sau khi chấp hành xong hình phạt tù của Bản án số 73/2019/HS-STngày 11/10/2019 về tội "Hủy hoại tài sản", bị cáo về địa phương lại tiếp tục phạm tội và bị kết án 15 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo bản án số 103/2021/HS-ST ngày 01/12/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn.

[5.2] Bị cáo C1 đã nhiều lần phạm tội nhưng không lấy đó làm bài học lại tiếp tục phạm tội. Bị cáo chưa chấp hành xong tiền phạt 20.000.000 đồng tại bản án số 1667 ngày 26/8/1999 của Tòa án nhân dân Tối cao; Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2013/ HSST ngày 27/6/2013 của Tòa án nhân dân huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh xử phạt Phùng Văn C1 03 năm 06 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Ngày 07/7/2016, C1 chấp hành xong hình phạt tù, chưa được xóa án tích. Do đó, lần phạm tội này bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tái phạm nguy hiểm theo điểm h khoản 1 Điều 52 của BLHS.

[5.3] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thấy được sai phạm, thành khẩn khai báo, khai nhận hành vi phạm tội của mình nên các bị cáo được áp dụng tính tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là *"Người phạm tội thành khẩn khai báo"* theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS.

[5.4] Bị cáo T1 có bố đẻ được Hội đồng bộ trưởng tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất; bị cáo T2 có bố đẻ được tặng nhiều kỷ niệm chương chiến sỹ T, Kỷ niệm chương quân tình nguyện Việt Nam giúp Lào và các danh hiệu khác; bị cáo C2 có bố mẹ được tặng thưởng huân huy chương nên các bị cáo T1, T2, C2 còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS.

[5.5] Người bị hại chị H3, anh H4 có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo H tích cực ủng hộ phong trào của địa phương được Ban chấp hành hội cựu chiến binh xác nhận tham gia ủng hộ quỹ "*Nghĩa tình đồng đội*" nên các bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[6]. Từ những nhận định trên, HĐXX thấy cần áp dụng hình phạt tù với thời gian phù hợp đối với từng bị cáo theo quy định tại Điều 38 của BLHS để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm giáo dục bị cáo trở thành công dân biết tuân thủ pháp luật, đồng thời đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa tội phạm.

[7] Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 158 BLHS thì người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo phải chấp hành án phạt tù, không đảm nhiệm chức vụ nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, truy tố và trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, người bị hại chị H3, anh H4 không yêu cầu đề nghị gì về yêu cầu bồi thường nên không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án.

[9] *Về án phí:* Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Riêng bị cáo C1 là người cao tuổi, tại phiên tòa bị cáo xin miễn án phí nên miễn án phí cho bị cáo C1 theo quy định của Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại điều 331, 333 BLTTHS.

[11]. Trong vụ án này,

[11.1]. Đối với hành vi phạm tội hủy hoại tài sản của Bùi Văn H, Trần Quốc T1, Bùi Minh T2, Nguyễn Duy C2, Vương Ngọc A đã được xét xử xong tại các Bản án số 73/2019/HS-ST ngày 11/10/2019 và Bản án số 21/2021/HS-ST ngày 16/4/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn và phần vật chứng cùng trách nhiệm dân sự đã được giải quyết xong tại các bản án này.

[11.2] Đối với Bùi Văn H7, sinh năm 1978, trú tại: Thôn N, xã M, thị xã K, Vương Ngọc A và chị Bùi Thị M, sinh năm 1988, trú tại: KDC V, phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương có một vài lần đến nhà chị Nguyễn Thị H3. Quá trình chuẩn bị xét xử tại bản án 112/2023/HS-ST ngày 22/12/2023, cũng như tại bản án phúc thẩm số 48/2024/HS-PT ngày 25/4/2024 của TAND tỉnh Hải Dương đã yêu cầu điều tra bổ sung nhưng đến nay chưa có căn cứ xử lý. Trường hợp có căn cứ sẽ xử lý sau.

[11.3] Đối với hành vi đốt nhà của vợ chồng chị H3 gây cháy vào khoảng 02 giờ ngày 28/5/2018, quá trình điều tra chưa xác định được là ai. Ngày 04/10/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã K ra Quyết định số 1212 tách hành vi và đã ra quyết định số 04/QĐ-ĐCSHS ngày 10/01/2025 khởi tố vụ án hình sự về tội Giết người để tiếp tục điều tra làm rõ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 158; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Bùi Văn H, Trần Quốc T1, Bùi Minh T2, Phùng Văn C1 và Nguyễn Duy C2.

Căn cứ điểm h (tái phạm nguy hiểm) khoản 1 Điều 52 của BLHS đối với bị cáo C1.

1/ Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Bùi Văn H, Trần Quốc T1, Bùi Minh T2, Phùng Văn C1 và Nguyễn Duy C2 phạm tội *"Xâm phạm chỗ ở của người khác"*.

2/ Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Bùi Văn H 01 năm 09 tháng (Một năm chín tháng) tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 24/4/2024.
- Xử phạt bị cáo Trần Quốc T1 01 năm 06 tháng (Một năm sáu tháng) tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 24/4/2024.
- Xử phạt bị cáo Bùi Minh T2 01 năm 06 tháng (Một năm sáu tháng) tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 24/4/2024.
- Xử phạt bị cáo Phùng Văn C1 01 năm 06 tháng (Một năm sáu tháng) tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy C2 01 năm 04 tháng (Một năm bốn tháng) tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 24/4/2024.

3/ Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của BLTTHS; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Bùi Văn H, Trần Quốc T1, Bùi Minh T2 và Nguyễn Duy C2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000^{đ} *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo C1.

4/ Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại là chị H3, anh H4 vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật ./.

Nơi nhận:
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND thị xã Kinh Môn;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- CA thị xã Kinh Môn;
- Cơ quan THAHS, Tx Kinh Môn;
- CQTHAHS Công an tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Trại Tạm giam - CA tỉnh Hải Dương;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Văn Phúc

- Trại giam Công an tỉnh Quảng Ninh (Lán 14);
- TAND thành phố Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu HS, VP.